

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ DỊCH VỤ ĐÔ THỊ VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM TECHNICAL TRADE AND URBAN SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110547451

3. Ngày thành lập: 20/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 374, Đường Kim Giang, Tổ 14, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02422138866

Fax:

Email: dichvudothivietnam@gmail.com Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4511
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn, Bán buôn đồ uống không có cồn	4633
8.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá như thuốc lá điếu, xì gà, các sản phẩm thuốc láo.	4634
9.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)	4649
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
12.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha; Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa; Khí dầu mỏ, khí butan và propan đã hoá lỏng; Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế.	4661
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm vàng miếng)	4662
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật đầu tư)	4669
16.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
17.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
18.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
19.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không bao gồm tổ chức hợp báo; Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)"	8230
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Điều 28 Luật Thương Mại 2005) (Không bao gồm hoạt động Nhà nước cấm; Trừ Dịch vụ báo cáo tòa án và Hoạt động đầu giá độc lập và dịch vụ lấy lại tài sản; Trừ tư vấn pháp luật và dịch vụ pháp lý theo quy định của Luật Luật sư)	8299
21.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
22.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động của các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể, tôn giáo)	8559
23.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
24.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Không bao gồm hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
25.	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103

26.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
27.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
28.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh khu du lịch sinh thái;	9329
29.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ spa, chăm sóc sắc đẹp, massage (Điều 37, 38, Nghị định 109/2016/NĐ-CP)	9610
30.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (Trừ dịch vụ cắt xén báo chí)	6399
31.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư; (Không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán, hoạt động ủy thác, giám sát đầu tư tài chính, chứng khoán)	6619
32.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (Khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6810(Chính)
33.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới Bất động sản (Khoản 2, Khoản 8 Điều 3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6820
34.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...	7020
35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Hoạt động kiến trúc (Điều 4 Luật Kiến trúc năm 2019) - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình (Điều 154 Luật xây dựng 2014)	7110
36.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
37.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
38.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4711
39.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)	4719
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
41.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
42.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
43.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022

44.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
45.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
46.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô (Điều 13 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4932
47.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 14 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP)	4933
48.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	5223
50.	Bốc xếp hàng hóa	5224
51.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
53.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Đảm bảo đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Du Lịch)	5510
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
56.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
57.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động phát hành chương trình truyền hình)	5913
58.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
59.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
60.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
61.	Đại lý du lịch (Đảm bảo đáp ứng đầy đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Du Lịch)	7911
62.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
63.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
64.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
65.	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511
66.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
67.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
68.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
69.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
70.	Thu gom rác thải độc hại	3812

71.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
72.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
73.	Tái chế phế liệu	3830
74.	Xây dựng nhà để ở	4101
75.	Xây dựng nhà không để ở	4102
76.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
77.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
78.	Xây dựng công trình điện	4221
79.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
80.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
81.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
82.	Xây dựng công trình thủy	4291
83.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
84.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
85.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
86.	Phá dỡ (trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4311
87.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động dò mìn, nổ mìn)	4312
88.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
89.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
90.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
91.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem và kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 5.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TẠ ĐỨC TRUNG	Số 94 – D3, Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đông, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.250.0 00	12.500.000.000	25,000	0240850007 54	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.250.0 00	12.500.000.000	25,000		
2	VŨ QUANG HÙNG	Phòng 2705-G5 Chung cư FiveStar, Số 2, Đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.250.0 00	12.500.000.000	25,000	0010800241 02	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.250.0 00	12.500.000.000	25,000		

3	LÊ HỒNG ANH	Số 374 Đường Kim Giang, Tô 14, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.250.000	12.500.000.000	25,000	001080011107	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.250.000	12.500.000.000	25,000		
4	ĐỒNG THỊ HƯỜNG	Khu 4 Số nhà 86 Phố Kim Liên, Phường Phong Cốc, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.250.000	12.500.000.000	25,000	022170002067	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.250.000	12.500.000.000	25,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 16/10/1970

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 022170002067

Ngày cấp: 23/05/2018

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: *Khu 4 Số nhà 86 Phố Kim Liên, Phường Phong Cốc, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Khu 4 Số nhà 86 Phố Kim Liên, Phường Phong Cốc, Thị xã Quảng Yên, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Phó Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 01/10/1980

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001080011107

Ngày cấp: 19/04/2023

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 374 Đường Kim Giang, Tổ 14, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: Số 374 Đường Kim Giang, Tổ 14, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 30/06/1980

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001080024102

Ngày cấp: 05/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: Phòng 2705-G5 Chung cư FiveStar, Số 2, Đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 2705-G5 Chung cư FiveStar, Số 2, Đường Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

* Họ và tên: TẠ ĐỨC TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 11/09/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024085000754

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 94 – D3, Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 94 – D3, Ngõ Xã Đàn 2, Phường Nam Đồng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội